

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05/8/2020
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đồng Thị Mười;

Ông Nguyễn Thanh Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 196/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1990; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Mi, xã M, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh H, sinh năm: 1987; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Mi, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh H chung sống với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 22/02/2014. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh H thường xuyên cờ bạc không chăm lo cho gia đình, chị có khuyên anh H nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy

mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trâm A, sinh ngày 28/5/2011, hiện đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc chị T xin ly hôn với anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn anh Nguyễn Minh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh H.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh H nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh H có nơi cư trú tại huyện Cai Lậy nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 22/02/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh H chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, anh H thường xuyên cờ bạc và không chăm lo cho gia đình, chị có khuyên anh H nhiều lần nhưng không được. Anh chị đã ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị T vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn, còn anh H thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc chị T xin ly hôn với anh. Điều này cho thấy anh H đã không yêu thương, quan tâm và không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mâu thuẫn giữa vợ

chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trâm A, sinh ngày 28/5/2011, hiện đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sau khi ly thân chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trâm A khỏe mạnh và ổn định cho đến nay, cháu Trâm A cũng có nguyện vọng sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn nên việc giao con chung cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: Chị T xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, anh H không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị T xác định không yêu cầu giải quyết về nợ chung, anh H không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trâm A, sinh ngày 28/5/2011 cho chị Nguyễn Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu

số 0005316 ngày 15/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị T đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Minh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Lê Quế Thanh